

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST

Ngày: 11 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tăng Thị Bạch Vân, là Cán bộ hưu trí.

Ông Kiêm Huol, là Hiệu trưởng, Giáo viên của Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến (một điểm cầu trung tâm tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và một điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng) vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2023/TLST-HS, ngày 14 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **H**; Sinh ngày: .../.../.....; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông X và bà Y; Tiền án: Vào ngày 06/5/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng kết án 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích); Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/12/2022 cho đến nay. (có mặt)

2. Họ và tên: **T**; Sinh ngày: .../.../.....; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông X và bà Y; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/12/2022 cho đến nay. (có mặt)

Người bào chữa của các bị cáo: Ông N, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 197, Hùng Vương, phường 6, huyện C1, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Bị hại:

1. Ông BH1; Sinh năm:; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt)

2. Ông BH2; Sinh năm:; Nơi cư trú: Ấp A2, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông LQ1; Sinh năm:; Nơi cư trú: Ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt)

2. Ông LQ2; Sinh năm:; Nơi cư trú: Ấp A3, xã B2, huyện C1, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt)

3. Bà LQ3; Sinh năm:; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Em LC1; Sinh ngày: .../.../.....; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt)

Người đại diện của người làm chứng em LC1:

- Ông P; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Là cha) (vắng mặt)

- Bà Q; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Là mẹ) (vắng mặt)

2. Em LC2 (tên gọi khác: K); Sinh năm:; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt)

Người đại diện của người làm chứng em LC2:

- Ông X; Sinh năm:; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Là cha) (vắng mặt)

- Bà Y; Sinh năm:; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Là mẹ) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

H là em ruột của T, bản thân H có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích) nhưng vẫn tiếp tục trộm cắp tài sản rồi rủ T đi bán tài sản do H trộm cắp mà có, cụ thể như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09/11/2022, ông BH1 phát hiện có đối tượng đột nhập vào nhà trộm cắp 01 cuộn dây kẽm gai đem ra ngoài hàng rào B40 phía sau khu vườn của ông BH1 khoảng 30m sau đó cất giấu dưới mé mương và dùng tàu dừa đậy lại, nên ông BH1 gọi điện thoại đến Công an xã B trình báo sự

việc. Sau khi nhận được tin báo, Công an xã B đã đến nhà ông BH1 bố trí lực lượng để bắt đối tượng trộm cắp, một lúc sau có 02 đối tượng đi trên chiếc xe mô tô đến chỗ cất giấu cuộn dây kẽm gai, sau khi 02 đối tượng khiêng cuộn dây kẽm gai lên xe và chạy đi được một đoạn thì Công an xã B tiến hành dừng phương tiện để kiểm tra và xác định được H cùng với LC1 đã trộm cắp cuộn dây kẽm gai, nên Công an xã B đã mời H và LC1 về cơ quan để làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, thông qua việc Cơ quan điều tra sử dụng các biện pháp đấu tranh nghiệp vụ thì H đã thừa nhận ngoài lần trộm cắp tài sản của ông BH1 nêu trên thì H còn thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 16 giờ ngày 01/11/2022, H đi từ nhà đến khu vườn của ông BH1 thuộc ấp A, xã B, huyện C tìm tài sản để trộm cắp, khi H đi vào thì cửa rào khu vườn không có khóa, H mới đi vào cặp bên hông nhà chính tìm tài sản thì phát hiện có 01 cái đầu nén dùng để xịt thuốc (gồm 01 mô tơ điện kết nối với 01 bộ đầu bơm để phun thuốc), H khiêng cái đầu nén đi từ khu vườn về đến nhà của H rồi H lấy chiếc xe mô tô chở cái đầu nén ra vừa ve chai của bà LQ3 bán với giá 250.000 đồng, số tiền này H dùng để tiêu xài cá nhân. Sau khi bán cái đầu nén xong, H đi về nhà thì gặp LC1, H rủ LC1 đi trộm cắp tài sản thì LC1 đồng ý, H dắt LC1 quay lại khu vườn của ông BH1 tìm tài sản để trộm cắp, khi đến nơi LC1 đứng ở ngoài canh còn H đi vào trong, khi đến bụi chuối H phát hiện có 01 cuộn dây kẽm gai, H khiêng cuộn dây kẽm gai đi ra được một đoạn thì do nặng quá nên H mới để cuộn dây kẽm gai ở giữa khu vườn rồi đi ra ngoài kêu LC1 vào khiêng tiếp, khi H và LC1 đi vào định khiêng cuộn dây kẽm gai ra thì bị ông BH1 phát hiện nên H và LC1 bỏ chạy về nhà và không lấy được cuộn dây kẽm gai. Tại Cơ quan điều tra, H và LC1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 28/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận: 01 đầu nén dùng để xịt thuốc gồm 01 mô tơ điện kết nối với 01 bộ đầu bơm để phun thuốc trị giá là **2.250.000 đồng**; 01 cuộn dây kẽm gai trọng lượng 42kg trị giá là **840.000 đồng**; Tổng cộng là **3.090.000 đồng**.

Vụ thứ hai: Ông BH2 làm thuê cho ông LQ1 và được ông LQ1 giao quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 83C1-263.28 để đi giao hàng cho khách. Vào khoảng 14 giờ ngày 05/11/2022, sau khi giao hàng xong ông BH2 điều khiển chiếc xe mô tô biển số 83C1-263.28 đến đậu phía trước bãi đất trống đối diện cổng Công ty Phương Nam thuộc ấp A, xã B, huyện C và đi vào bên trong. Trên đường đi về nhà thì H có đi ngang qua chỗ đậu xe, lúc này H phát hiện xe không có người trông coi và trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên H nảy sinh ý định trộm cắp xe, H đi đến chỗ xe đang đậu và dẫn xe quay đầu ra một đoạn, rồi H lên xe mở chìa khóa, khởi động xe và chạy về nhà. Trên đường đi H gặp người em tên LC2 (K) cũng đang trên đường đi về nhà thì H kêu K lên xe để H chở về nhà, H chở K chạy theo hướng về xã Kế Thành nhằm đánh lạc hướng Công an, khi chạy được một đoạn đến cầu Bưng Tiết thì H quẹo trái theo đường đê phía bên xã B rồi mới chạy vòng về nhà. Khi về đến nhà thì H gặp Thuận, H hỏi T có biết chỗ nào mua xe cũ không có giấy tờ không thì T nói xe không có giấy tờ thì ở huyện C1 mới có người mua, H mới rủ T đi ra huyện C1 bán

xe với H thì T đồng ý, khi đó H chưa nói cho T biết xe là do H trộm cắp mà có. Trên đường đi ban đầu H điều khiển chiếc xe mô tô biển số 83C1-263.28 chở T nhưng đi đến đoạn gần Nghĩa trang huyện Kế Sách thì T điều khiển xe chở H. Do nghi ngờ xe đang mang đi bán là của H trộm cắp mà có nên T có hỏi H về nguồn gốc xe thì H nói cho T biết xe là do H trộm cắp mà có thì T vẫn đồng ý tiếp tục điều khiển xe chở H đi ra huyện C1 để tìm chỗ bán xe cho H. Khi ra đến huyện C1, T và H ghé vào một tiệm cầm đồ gần Cầu Đen để hỏi bán xe nhưng người trong tiệm nói xe không có giấy tờ chính chủ nên không mua, T và H tiếp tục đi thêm một đoạn khoảng 100 mét nữa thì ghé vào tiệm sửa xe của ông LQ2 để hỏi bán xe, ông LQ2 hỏi T xe này của ai thì T nói xe của Hòa, ông LQ2 tiếp tục hỏi T xe có giấy tờ gì không thì T nói xe không có giấy tờ, ông LQ2 mới hỏi H xe có phải của H không thì H nói chắc chắn là xe của Hòa. Ông LQ2 hỏi T bán xe giá bao nhiêu thì T hỏi lại H và H nói bán giá 2.000.000 đồng, T nói với ông LQ2 bán giá 2.000.000 đồng thì ông LQ2 đồng ý mua nhưng kêu T và H viết giấy bảo đảm tài sản chính chủ, do T và H không biết viết chữ nên hai bên không có viết giấy mua bán xe, sau đó ông LQ2 đưa cho T số tiền 2.000.000 đồng thì T đưa lại cho Hòa. Sau khi bán xe xong, H và T đón xe ôm đi về nhà, trên đường đi H có đưa cho T số tiền 500.000 đồng để trả tiền xe ôm và tiêu xài cá nhân. Số tiền 1.500.000 đồng còn lại H dùng để tiêu xài cá nhân. Tại Cơ quan điều tra, H và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 38 ngày 25/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 83C1-263.28, trị giá là **5.489.250 đồng**.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09/11/2022, H tiếp tục đến khu vườn của ông BH1 thuộc ấp A, xã B, huyện C để trộm cắp cuộn dây kẽm gai đem ra ngoài hàng rào B40 phía sau khu vườn của ông BH1 cất giấu, sau đó H đi về nhà rủ LC1 đi lấy cuộn dây kẽm gai thì bị Công an xã B phát hiện, mời H và LC1 về cơ quan để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, H và LC1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 42 ngày 01/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận: 01 cuộn dây kẽm gai trọng lượng 42kg, trị giá là **840.000 đồng**.

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà H trộm cắp trong vụ thứ nhất và vụ thứ hai là **8.579.250 đồng**; trị giá tài sản mà LC1 tham gia trộm cắp cùng với H trong vụ thứ nhất là **840.000 đồng**; trị giá tài sản mà H và LC1 cùng trộm cắp trong vụ thứ ba là **840.000 đồng**.

Trong quá trình điều tra, do xác định các hành vi trộm cắp tài sản của LC1 trong vụ thứ nhất và của H và LC1 trong vụ thứ ba không đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” do không đủ định lượng trị giá tài sản chiếm đoạt, nên Cơ quan điều tra đã chuyển xử phạt vi phạm hành chính và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03, 04/QĐ-XPHC cùng ngày 12/01/2023 đối với H và LC1.

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ thu được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với

H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đối với T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với H và T từ ngày 22/12/2022 cho đến nay.

Về thu giữ, tạm giữ và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ, tạm giữ và đã ra quyết định trao trả lại cho ông LQ1 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 83C1-263.28 và trao trả lại cho ông BH1 01 đầu nén dùng để xịt thuốc gồm 01 mô tơ điện kết nối với 01 bộ đầu bơm để phun thuốc và 01 cuộn dây kẽm gai trọng lượng 42kg (các Quyết định xử lý vật chứng số 25, 26/QĐ-CSHS cùng ngày 13/12/2022). Hiện nay, Cơ quan điều tra không còn tạm giữ vật chứng gì.

Về trách nhiệm dân sự: Ông BH1, ông BH2, ông LQ1 đều đã nhận lại được các tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu H và T bồi thường gì thêm về dân sự. Đối với các khoản tiền 250.000 đồng và 2.000.000 đồng mà bà LQ3 và ông LQ2 đã bỏ để mua các tài sản bị trộm cắp thì H và T đã tự nguyện bồi thường cho bà LQ3 và ông LQ2 xong, hiện nay bà LQ3 và ông LQ2 không yêu cầu H và T bồi thường gì thêm về dân sự.

Tại Bản Cáo trạng số **18/CT-VKS-H.KS**, ngày 13/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách nhận định hành vi phạm tội nêu trên của H và Thuận, từ đó quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kế Sách để xét xử H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và xét xử T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách giữ quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo H và Thuận, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo H, phạm tội “Trộm cắp tài sản”; căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo H mức án từ 01 năm đến 02 năm tù.

Tuyên bố bị cáo T, phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; căn cứ vào khoản 1 Điều 323, các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức án từ 03 tháng đến 05 tháng tù, đồng thời không cho bị cáo T được hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Không có.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa trình bày thống nhất với các tội danh “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố và Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã đưa ra xét xử đối với các bị cáo; việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo. Về nội dung vụ án cũng như các vấn đề khác thì người bào chữa cơ bản

thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Ngoài ra, người bào chữa đề nghị xem xét cho các bị cáo thêm một số tình tiết: Nguyên nhân các bị cáo phạm tội là do gia đình của các bị cáo có hoàn cảnh túng thiếu, khó khăn; Tại cơ quan công an khi được làm việc về lần trộm cắp tài sản không cấu thành tội phạm thì bị cáo H đã tự khai ra những lần phạm tội đang bị truy tố, xét xử trong vụ án này, tuy không áp dụng được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội tự thú” được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng cũng cần ghi nhận tình tiết này cho bị cáo H theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, về hình phạt người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo H mức án 01 năm tù, xử phạt bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức án từ 03 tháng đến 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Các bị cáo H và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố và thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo. Lời nói sau cùng, bị cáo H xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của ông LQ1 là bị hại, là chưa phù hợp; bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra, còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự, nên trong vụ án này ông BH1 và ông BH2 là bị hại, ông LQ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông LQ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị hại ông BH1 và ông BH2, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông LQ1, ông LQ2 và bà LQ3, những người làm chứng em LC1 và em LC2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và có văn bản xin vắng mặt; những người này đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ và sự vắng mặt cũng không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án; đồng thời, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách và các bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Do đó, Hội đồng xét

xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo H và T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Xét thấy, lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, phù hợp với nội dung các bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Kế Sách cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, từ đó đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Đối với bị cáo H, vào ngày 01/11/2022 tại ấp A, xã B, huyện C bị cáo H trộm cắp của bị hại ông BH1 01 đầu nén dùng để xịt thuốc gồm 01 mô tơ điện kết nối với 01 bộ đầu bơm để phun thuốc trị giá là 2.250.000 đồng và 01 cuộn dây kẽm gai trọng lượng 42kg trị giá là 840.000 đồng, tổng cộng là 3.090.000 đồng, việc trộm cắp 02 tài sản này được bị cáo H thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian trong cùng ngày 01/11/2022; đến ngày 05/11/2022 tại ấp A, xã B, huyện C bị cáo H tiếp tục trộm cắp của bị hại ông BH2 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 83C1-263.28 trị giá là 5.489.250 đồng; như vậy, tổng trị giá tài sản mà bị cáo H đã chiếm đoạt trong 02 lần trộm cắp này là 8.579.250 đồng. Đối với bị cáo T, vào ngày 05/11/2022 bị cáo T biết rõ chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 83C1-263.28 là tài sản do bị cáo H trộm cắp của người khác mà có, nhưng bị cáo T vẫn điều khiển xe chở bị cáo H đi ra huyện C1 để tìm nơi tiêu thụ xe và bị cáo T đã trực tiếp bán xe và được hưởng lợi 500.000 đồng từ số tiền bán xe. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với bà LQ3 và ông LQ2 là những người đã mua tài sản do bị cáo H trộm cắp mà có, do khi mua tài sản bà LQ3 và ông LQ2 không biết đây là tài sản do H trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra chỉ thu hồi tài sản bị trộm cắp chứ không đặt ra xử lý gì đối với bà LQ3 và ông LQ2 là phù hợp.

[6] Đối với các hành vi trộm cắp tài sản của LC1 trong vụ thứ nhất và của bị cáo H và LC1 trong vụ thứ ba đều với trị giá tài sản là 840.000 đồng là không đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, nên Cơ quan điều tra đã chuyển xử phạt vi phạm hành chính và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo H và LC1 là phù hợp.

[7] Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định Bản Cáo trạng số 18/CT-VKS-H.KS, ngày 13/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách truy tố bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo, không bỏ lọt tội phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận Cáo trạng.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản tính lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài nhưng không phải thông qua lao động chính đáng mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cho nên cần xử phạt các bị cáo tương xứng với mức độ, hành vi của các bị cáo gây ra, để đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo H, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã cùng với bị cáo T tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bà LQ3 và ông LQ2 với tổng số tiền là 2.250.000đồng, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên được xem là chưa gây thiệt hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số (Khmer), có trình độ học vấn thấp (Lớp 01/12) và bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H. Đối với bị cáo T, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã cùng với bị cáo H tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho ông LQ2 với số tiền là 2.000.000đồng, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên được xem là chưa gây thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số (Khmer), có trình độ học vấn thấp (Không biết chữ), trước khi phạm tội có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự và bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H có tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Về nhân thân và các tình tiết khác: Bị cáo H là người có nhân thân xấu, trước khi phạm tội đã từng bị kết án 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không biết ăn năn, sửa chữa sai lầm, làm một công dân tốt mà lại tiếp tục trộm cắp tài sản để đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong vụ án này bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 lần gồm 02 lần bị truy cứu trách nhiệm hình sự và 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính. Đồng thời, bị cáo H không chỉ trộm cắp tài sản một mình mà còn rủ rê LC1 là người chưa đủ 18 tuổi cùng trộm cắp tài sản và rủ rê bị cáo T là anh ruột đi bán tài sản trộm cắp, dẫn đến việc LC1 bị xử phạt vi phạm hành chính còn bị cáo T bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Các tình tiết này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật, khả năng tự cải tạo bản thân của bị cáo H, nên cũng cần được cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[12] Về hình phạt: Đối với bị cáo H, mức hình phạt của tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Trên cơ sở căn nhắc về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng, chống tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu trong tình hình hiện nay, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử nghiêm bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn tại cơ sở giam giữ, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[13] Đối với bị cáo T, mức hình phạt của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Tại phiên tòa sơ thẩm, người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát đều đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức án từ 03 tháng đến 05 tháng tù; người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo còn đại diện Viện kiểm sát đề nghị không cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, tuy bị cáo không trực tiếp trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 83C1-263.28 mà chỉ tiêu thụ xe do bị cáo H trộm cắp mà có nhưng lẽ ra khi biết xe do bị cáo H trộm cắp mà có và bị cáo H đang có ý định mang xe đi tìm nơi tiêu thụ thì bị cáo với tư cách là anh ruột của bị cáo H phải khuyên răn, ngăn cản không cho bị cáo H tiếp tục mắc sai lầm nhưng bị cáo lại đồng ý điều khiển xe chở bị cáo H đi ra huyện C1 để tìm nơi tiêu thụ xe và đã tiêu thụ được xe, nếu vụ việc này không bị phát hiện thì hành vi của bị cáo là động lực cổ xúy cho bị cáo H tiếp tục trộm cắp tài sản, việc xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt là không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, không có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm, nên đề nghị này là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, bị cáo có đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần áp dụng các quy định nêu trên cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để chính quyền địa phương phối hợp cùng với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo tại nơi cư trú cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và thể hiện tính nhân đạo của chính sách pháp luật hình sự Việt Nam.

[14] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[15] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Hiện nay, Cơ quan điều tra không còn tạm giữ vật chứng gì và không có ai yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[16] Về các vấn đề khác: Các hành vi trộm cắp tài sản của LC1 trong vụ thứ nhất và của bị cáo H và LC1 trong vụ thứ ba không đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đã bị xử phạt vi phạm hành chính, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[17] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm, nên được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[18] Đề nghị của người bào chữa tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần như các nhận định đã nêu trên.

[19] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần như các nhận định đã nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 38, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo H.

Tuyên bố: Bị cáo H, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo H **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, khoản 1 Điều 38, các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố: Bị cáo T, phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Bị cáo T **06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12 (mười hai) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/4/2023). Giao bị cáo T là người được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm

nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Hiện nay, Cơ quan điều tra không còn tạm giữ vật chứng gì và không có ai yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự trong vụ án, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo H và T được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo H và T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với các bị hại ông BH1 và ông BH2, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông LQ1, ông LQ2 và bà LQ3 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kế Sách;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Bị cáo, Bị hại, Người có QL, NVLQ...;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Việt